

CÁC CÔNG TRÌNH ĐƯỢC XÂY ĐẮP TRONG VÀ NGOÀI KINH ĐÔ THĂNG LONG THỜI LÝ

GS. TS Momoki Shiro*

1. Lời mở đầu

Với tư cách là chuyên gia lịch sử Việt Nam thời Lý - Trần, tôi được tham gia Ban chuyên gia hỗn hợp Việt - Nhật nghiên cứu và bảo tồn Hoàng thành Thăng Long kể từ năm 2007. Bài tham luận này nhằm mục đích giới thiệu sơ lược về kết quả nghiên cứu trong thời gian ba năm nay, chủ yếu về thời Lý (1009 - 1225) của Kinh đô Thăng Long¹. Hy vọng rằng bài này có thể đóng góp phần nào để làm sáng tỏ hơn giá trị lịch sử của Thăng Long - Hà Nội mà khu trung tâm đó đã được UNESCO công nhận là Di sản văn hoá thế giới.

Nói chung, tài liệu thành văn của giai đoạn Lý - Trần không nhiều. Mặc dù không ít công trình nghiên cứu khảo cổ học và sử học về Kinh đô Thăng Long đã được công bố², nhưng còn một số vấn đề chưa được đề cập đến hoặc cần được chỉnh lý lại. Trong bài này tác giả muốn tìm hiểu về các công trình cung điện, lầu các, cơ quan hành chính, chùa chiền, chợ búa, vườn ao... đã được xây đắp trong và ngoài Kinh đô Thăng Long để phục dựng lại các chức năng cần thiết cho một kinh đô đã được quy hoạch như thế nào.

2. Các công trình trong và xung quanh khu vực cung cấm

2.1. Các công trình xây dựng năm 1010 - 1011 và 1029 - 1030

Mọi người biết đến ghi chép của *Đại Việt sử ký toàn thư*³ (viết tắt là TT) của năm 1010-1011 và 1029 - 1030. *Đại Việt sử lược* (viết tắt là SL) cũng có ghi chép tương tự. Theo TT, tháng 7/1010, vua Lý Thái Tổ (1009 - 1028) dời đô từ Hoa Lư đến Kinh phủ Đại La thành và đổi tên thành Đại La sang thành Thăng Long, rồi “xây dựng cung điện ở trong Kinh thành Thăng Long. Phía trước dựng điện Càn Nguyên làm chỗ coi triều, bên tả làm điện Tập Hiền, bên hữu làm điện Giảng Võ. Lại mở cửa Phi Long thông với cung Nghê Xuân, cửa Đan Phượng thông với cửa Uy Viễn. Chính hướng Nam xây điện Cao Minh, thêm gọi là Long Trì. Bên trong Long Trì có mái cong, hàng hiên bao quanh bốn mặt. Sau điện Càn Nguyên đặt hai điện Long An và Long Thụy làm nơi ăn ở. Bên tả làm điện Nhật Quang, bên hữu làm điện Nguyệt Minh. Đằng sau dựng hai điện Thuý Hoa và Long Thụy làm chỗ ở cho

* Đại học Quốc gia Osaka, Nhật Bản.

cung nữ. Dựng kho tàng, đắp thành đào hào, bốn mặt thành mở bốn cửa, phía đông gọi là cửa Tường Phù, phía tây gọi là cửa Quảng Phúc, phía nam gọi là cửa Đại Hưng, phía bắc gọi là cửa Diêu Đức. Bên trong thành (“thành nội”) làm chùa Hưng Thiên ngự và lầu Ngũ Phượng tinh, bên ngoài thành (“thành ngoại”) làm chùa Thắng Nghiêm ở phía nam”. TT-1011 viết rằng, “Năm ấy, bên trong thành, bên tả dựng cung Đại Thanh, bên hữu dựng chùa Vạn Tuế, làm kho Trấn Phúc, bên ngoài thành dựng chùa Tứ Đại Thiên Vương, các chùa Cẩm Y, Long Hưng và Thánh Thọ. Ở bên sông Lô dựng điện Hàm Quang”.

Sau khi đánh dẹp “loạn Ba vương”, Thái Tông (1028-1054) lên ngôi và quy hoạch lại không gian cung cấm. Theo TT - tháng 6 năm 1029, vua đã phá điện Càn Nguyên nhưng vì rỗng hiện ở nền cũ, cho nên “bền sai quan theo quy mô rộng hơn, nhằm lại phương hướng làm lại mà đổi tên là điện Thiên An. Bên tả làm điện Tuyên Đức, bên hữu làm điện Diên Phúc. Thềm trước điện gọi là Long Trì. Phía đông Long Trì đặt điện Văn Minh, phía tây đặt điện Quảng Võ. Hai bên tả hữu Long Trì đặt lầu chuông đối diện với nhau để nhân dân ai có việc kiện tụng oan uổng thì đánh chuông lên. Bốn phía Long Trì đều có hành lang giải vũ để bách quan hội họp và lục quân túc vệ. Phía trước làm điện Phụng Thiên, trên điện dựng lầu Chính Dương làm nơi giữ giờ khắc, phía sau làm điện Trường Xuân, trên điện dựng các Long Đồ làm nơi ăn ở chơi ngấm. Bên ngoài đắp một bức thành bao quanh gọi là Long thành”. Còn năm 1030 thì “làm điện Thiên Khánh ở trước điện Trường Xuân làm nơi nghe chính sự”. Kiểu điện làm bát giác, trước sau điện bắc cầu Phượng Hoàng. Hai đợt quy hoạch năm 1010-1011 và năm 1029-1030 có hai đặc điểm chung⁴: Thứ nhất, các cung điện và kiến trúc khác được bố trí theo kiểu đối xứng tả hữu; Thứ hai, các cung điện có ba hàng, phía trước là nơi coi triều (trước đó có thêm là Long Trì), ở giữa có nơi nghe chính sự, phía sau có nơi ăn ở của vua.

Về vị trí của không gian cung cấm, trước đây có nhiều ý kiến khác nhau⁵. Nhưng hiện nay, các học giả tập trung nghiên cứu về khu vực “trục chính tâm” từ Bắc Môn, xuống điện Kính Thiên, rồi qua Đoan Môn đến Cột Cờ đã được xác định là tồn tại từ thời Lý và di chỉ 18 Hoàng Diệu.

2.2. Các công trình sau những năm 1030

Ghi chép của cung điện, lầu các, vườn ao... tiếp tục xuất hiện trong các bộ biên niên sử sau những năm 1030⁶. Ở đây xin nêu một số ví dụ:

Theo SL, “xây cung Ngân Hán ở vườn Hậu uyển cho cung nhân Chiêm Thành ở” vào năm 1046. Năm 1048 thì “mở ba vườn Quỳnh Lâm, Thắng Cảnh, Xuân Quang”⁷. Năm sau, “đào kênh ngự ở phía ngoài Phụng thành, lại đào ao Kim Minh Vạn Tuế... Lại đắp núi đá có ba ngọn ở trên ao, xây cầu Vũ Phượng”. Năm 1055, “sửa sang các điện ở Đại nội”⁸. Năm 1058, nhiều công trình xây dựng được ghi chép như việc xây điện Hồ Thiên bát giác ở ao Kim Minh, mở cửa Tường Phù và “xây điện Linh Quang, bên tả dựng điện Kiến Lễ, bên hữu dựng điện Sùng Nghi. Phía trước điện dựng lầu chuông một cột, sáu cạnh hình hoa sen”⁹. Một số điện cũng xuất hiện trong biên niên sử lần đầu tiên như điện Thuỷ Tinh (năm 1055) và điện Vĩnh Thọ (năm 1059), mặc dù chúng ta không biết được các điện đó được xây dựng bao giờ. Thánh Tông (1054-1072) đã mất ở điện Hội Tiên [SL và TT], ngày Canh Dần tháng Giêng năm 1072. Chấn điện Hội Tiên là tấm điện (nơi ăn ở) được xây dựng trong thời Thánh Tông.

Đời Nhân Tông (1072-1127), xây Bí Thư các vào năm 1087. Bí Thư các tiếp tục xuất hiện trong SL vào ngày Đinh Tỵ tháng 12/1210. Vào tháng 9/1098, “Xây điện Sùng Uyển ở ao

Phượng Liên, bên tả đặt điện Huy Dương và đình Lai Phượng, bên hữu lập điện Ánh Thiềm và đình Ất Vân, phía trước xây lầu Trường Minh, phía sau bắc cầu Ngoạn Hoa” [SL]. Tháng 9/1112 lần đầu tiên xuất hiện điện Vĩnh Quang. Vua Nhân Tông [SL và TT-tháng 12/1127] và Thần Tông [SL-tháng 9/1137; TT-ngày 26/9/1138] đều mất ở điện ấy. Có lẽ điện Vĩnh Quang được sử dụng như tấm điện suốt thời Nhân Tông đến Thần Tông (1127 - 1137).

Vua Anh Tông (1137-1175) đã “làm hành cung Ngự Thiên, điện Thụy Quang, các Ánh Vân, cửa Thanh Hoà, thềm Nghi Phượng, các Diên Phù, đình Thượng Hoa, thềm Ngọc Lan, hồ Kim Liên, cầu Minh Nguyệt, và đóng thuyền lớn của bếp ngự, thuyền lớn của cung nội” [TT-tháng 12/1156]. Ngày Ất Tỵ tháng 7/1175, Anh Tông đã mất ở điện Thụy Quang [SL và TT]. SL còn chép rằng, vào năm 1179, thái hậu và vua Cao Tông (1175-1210) “ngự ra điện Phượng Minh xem bọn hoàng nam thi chép ra các bài thơ của cổ nhân và vận toán” rồi “ngự ra điện Sùng Chương xem con em tam giáo thi về các môn chép thơ cổ, làm thơ phú, kinh nghĩa, làm toán. Năm 1180 thì hai điện Vĩnh Quang và Hội Tiên bị động đất [SL và TT]. Ghi chép này chứng minh rằng không phải tất cả tấm điện của vua đã mất bị phá.

Đến năm 1203 thì SL chép về việc xây dựng có quy mô của “Tân cung” (cung mới) ở “phía tây tấm điện”: ở giữa đặt điện Thiên Thụy, bên tả dựng điện Dương Minh, bên hữu dựng điện Thiềm Quang, phía trước xây điện Chính Nghi, ở trên xây điện Kính Thiên, thềm gọi là Lệ Giao. Ở giữa mở cửa Vĩnh Nghiêm. Bên hữu mở cửa Việt Thành¹⁰, thềm gọi là Ngân Hồng, phía sau mở điện Thắng Thọ, ở trên xây các Thánh Thọ, bên tả xây các Nhật Kim, bên hữu xây các Nguyệt Bảo, xung quanh dựng lang vũ, thềm gọi là Kim Tinh. Bên hữu các Nguyệt Bảo đặt toà Lượng Thạch, phía tây các xây nhà tắm, phía sau xây các Phú Quốc, thềm gọi là Phượng Tiêu. Phía sau dựng cửa Thấu Viên, ao Dưỡng Ngự (nuôi cá), trên ao xây đình Ngoạn Ý. Ba mặt đình trồng hoa thơm cỏ lạ, nước ao thông với sông, cách chạm trổ, trang sức khéo léo, công trình thổ mộc đẹp đẽ, xưa chưa từng có vậy.

Theo SL, vào tháng 7/1209, Cao Tông đã giết Phạm Bình Di ở “xứ Lượng Thạch của thềm Kim Tinh”. Tướng của Bình Di là Quách Bốc giận, qua cửa Đại Thành¹¹ đột nhập vào xứ Lượng Thạch để rước thầy của Bình Di, rồi theo cửa Việt Thành mà ra bên Triều Đông. Ngày Nhâm Ngọ tháng 10/1210, Cao Tông mất ở điện Thắng Thọ¹². Năm 1217, vua Huệ Tông (1210-1225) ngự toà Lượng Thạch xét tội Phạm Ân. Rõ ràng các sự kiện chính trị quan trọng vào cuối đời Lý chủ yếu xảy ra ở “Tân cung” được xây dựng vào năm 1203¹³.

3. Các công trình và nhóm người trong và ngoài thành

3.1. Các hành cung, cung điện và phủ đệ dành cho hoàng tử và hoàng hậu

Ngoài các cung điện ở Kinh đô, nhà Lý có hành cung ở nhiều địa phương. Ngay phía bắc Kinh đô Thăng Long, Nhân Tông đã dựng hành cung Giao Đàm [SL-1060] hoặc Dâm Đàm [TT] trên bờ Hồ Tây. Tác giả cho rằng việc xây dựng các hành cung và sự tuần hành của vua đến các hành cung có ý nghĩa lớn trong hệ thống hành chính địa phương thời Lý¹⁴.

Hoàng thái tử có cung riêng ở ngoài khu vực cung cấm. “Xây cung Long Đức ở ngoài thành (“thành ngoại”) cho Thái tử ở để biết hết việc dân” [SL-1012]. Khi Thái Tổ mất vào năm 1028, quần thần đến cung Long Đức xin thái tử Phật Mã lên ngôi. Phật Mã từ cửa Tường Phù (cửa Đông của thành Thăng Long) vào đến điện Càn Nguyên [SL, TT]. Chắc cung Long Đức nằm ở phía đông cung cấm¹⁵. SL-1064 viết rằng: “dựng cung Động Tiên ở

phía đông Đại nội”. Nhân Tông sinh ở cung Động Tiên vào tháng Giêng năm Long Chương Thiên Tự thứ nhất (1066) [SL, phần mở đầu của kỷ Nhân Tông]. Trong thời Thánh Tông, chắc cung Động Tiên đã thay thế vị trí của cung Long Đức như Đông cung¹⁶. Nhưng sau đó cung Động Tiên không xuất hiện trong tài liệu. Cũng không có thông tin cụ thể về Đông cung, trừ ghi chép Long Cán hoặc Long Trát tức Cao Tông [TT-tháng Giêng năm 1175] và Hạo Sâm hoặc Sam tức Huệ Tông [TT-tháng Giêng năm 1208] đã ở Đông cung với tư cách là hoàng thái tử.

TT-1033 viết rằng: “Vua ra ngoài cửa Trường Quảng xem lạc thành phủ đệ của hoàng tử”. Cửa Trường Quảng là cửa phía nam của vòng thành ngoài cùng (thành Đại La)¹⁷. Các phủ đệ hoàng tử có thể nằm ở bên ngoài thành Đại La. Theo điều luật mới được ban hành vào năm 1157, “các vương hậu ban đêm không được đi lại vào trong thành (“thành nội”) [SL]. Điều luật này cũng chứng tỏ là các vương hậu sống ở khu vực ngoài thành, mặc dù “thành nội” trong các tài liệu không chỉ khu vực bên trong thành Đại La mà lại chỉ khu vực bên trong thành Thăng Long (tức Hoàng thành theo khái niệm thời Lê)¹⁸.

Các vua từ Thái Tổ cho đến Nhân Tông có nhiều hoàng hậu. Các hoàng hậu chắc có cung điện riêng kèm theo cơ quan quản lý riêng, nhưng cụ thể tồn tại ở đâu và như thế nào thì chúng ta không thể biết được. Chỉ có một thông tin về vợ lẽ là Ý Lan phu nhân đã sống ở các Du Thiêm về mùa đông năm 1065 [SL]. Và sau khi Thánh Tông mất, Thái hậu Thượng Dương (hoàng hậu chính của Thánh Tông) phải chết theo Thánh Tông tại cung Thượng Dương [SL, TT-1073]. Có lẽ cung Thượng Dương vốn là cung điện hoàng hậu mà sau khi Thánh Tông mất thì Thượng Dương đã ở lại. Thái thượng hoàng và hoàng thái hậu cũng có cung riêng, mặc dù vị trí của chúng cũng không rõ. Khi Thần Tông là con nuôi của Nhân Tông lên ngôi thì bố Thần Tông là Sùng Hiền hậu được làm Thái thượng hoàng và mẹ Thần Tông là Đỗ Thị Được làm hoàng thái hậu, và hai vợ chồng ở cung Động Nhân [SL, TT-ngày Canh Ngọ tháng Giêng năm 1129]. Anh Tông cho mẹ đẻ là Thái hậu Lê Thị Dượng cung Quảng Từ [SL-1143; TT-1145, 1148].

3.2. Các cơ quan hành chính và đơn vị quân sự

Để duy trì quyền lực vua, không thể thiếu được bộ máy quan lại và bộ máy quân sự. Nhưng, vị trí và quy mô của các cơ quan hành chính và doanh trại quân đội ở Kinh đô Thăng Long cũng không rõ. Năm 1029, khi quy hoạch lại khu vực cung cấm thì “bốn phía Long Trì đều có hành lang giải vũ để bách quan hội họp và lực quân túc vệ” [TT]. Trước đó, Thái Tông đã đặt mười vệ điện tiền cấm quân để chia làm tả hữu trực đi quanh bảo vệ Cấm thành [TT-1028]. Nhưng, thực trạng của hành lang giải vũ cũng ít được ghi chép trong các tài liệu. Năm 1071, khi Thánh Tông bị ốm, xuống chiếu cho hữu ty là: “Kẻ nào vào nhằm hai bên tả hữu tường của Quan chức đô, bị phạt 80 trượng” [SL]. Quan chức đô có lẽ chỉ nhóm người ở gần vua để phục vụ¹⁹. Trong triều Anh Tông, khi Thái uý Đỗ Anh Vũ bị bắt, Anh Vũ bị giam ở lang Tả Hưng Thánh [SL-1148, TT-1150]. Chắc là vì phái chống lại Anh Vũ có Tả Hưng Thánh hoá đầu là Nguyễn Dương, nên Anh Vũ bị giam trong hành lang của Tả Hưng Thánh đô là một đơn vị cấm quân²⁰. Khi Anh Vũ giành lại quyền lực nhờ có sức mạnh của Lê thái hậu thì Anh Vũ lấy hơn một trăm người đặt đô Phụng Vệ (hoặc đô Phụng Quốc vệ) để bắt những người đã chống lại mình. Và năm đó cấm “những người nào phạm vào địa phận của hành lang khí giới đô Phụng Vệ bị phạt 80 trượng, ai đi vào trong hành lang bị tội chết” [SL-1148, TT-1150]. Ngoài ra, Kinh đô Thăng Long có hai cơ quan tư pháp là Đô hộ phủ [SL, TT-1067; SL-1097, 1107, 1219] và

viện Thượng Lâm [SL-1198, 1215, 1219]. Hai cơ quan đều có quan sỹ sự. Sách *Lĩnh ngoài đại đáp* của người Nam Tống là Chu Khứ Phi (năm 1178) viết rằng, “cung thất (của nước An Nam) có cung Thủy Tinh, điện Thiên Nguyên, đều có quy chế tiềm ngự. Bên cạnh có một lầu có bảng để tên An Nam Đô hộ phủ”. Đáng tiếc là tài liệu này không ghi rõ vị trí chính xác của toà nhà Đô hộ phủ. Về viện Thượng Lâm, SL-1100 có đoạn chép về việc bổ nhiệm “sỹ sự Thượng Lâm quốc (chắc “quốc” là viết nhầm của “viên”) và Thượng Lâm viên (vườn Thượng Lâm) được mở vào năm 1065 [SL]. Có lẽ viện Thượng Lâm nằm trong vườn Thượng Lâm.

Các khu vực bên ngoài thành Đại La cũng có vai trò chính trị, quân sự, và ngoại giao. Như trên đã nói, phủ đệ của hoàng tử nằm bên ngoài thành Đại La. Còn Anh Tông “tập bắn và cưỡi ngựa ở phía nam thành Đại La gọi là Xạ đình, sai các quan võ hàng ngày luyện tập phép tiến công và phá trận” [TT-1170]. Bên kia sông Hồng thì Thái Tông “đặt trạm Hoài Viễn ở bờ sông Gia Lâm để làm chỗ nghỉ cho người nước ngoài đến châu [TT-tháng 12/1044].

3.3. Các trung tâm tôn giáo

Các trung tâm tôn giáo và hoạt động tôn giáo, nhất là của Phật giáo, cũng không thể thiếu được để duy trì uy quyền (authority) và tính chính thống (legitimacy) của hoàng đế. Vì thế, ngay khi quy hoạch thành Thăng Long vào năm 1010, “bên trong thành (“thành nội”) làm chùa Hưng Thiên ngự” và “bên ngoài thành (“thành ngoại”) làm chùa Thăng Nghiêm ở phía nam” [TT]. Năm 1011 thì “năm ấy, bên trong thành, bên tả dựng cung Đại Thanh, hữu dựng chùa Vạn Tuế”, và “bên ngoài thành dựng chùa Tứ Đại Thiên Vương, các chùa Cẩm Y, Long Hưng và Thánh Thọ” [TT]. Sau đó cũng có nhiều ghi chép về việc xây chùa, đúc chuông... Chẳng hạn, năm 1021, “dựng nhà bát giác chứa kinh” [TT]. Năm 1024, “làm chùa Chân Giáo bên trong thành để tiện vua ngự xem tụng kinh” [TT]... Nhiều nghi lễ Phật giáo được cử hành ngay trong không gian cung cấm, như hội khánh thành Phật đại nguyện” ở Long Trì [TT-1036] và hội La Hán tại điện Thiên An [SL-1056]. Hoạt động Nho giáo cũng thịnh thoả được ghi chép: Văn Miếu được xây dựng vào năm 1070 [TT] và Thái miếu được ghi chép vào năm 1069 [SL] và năm 1087 [SL, TT]. Đàn Xã Tắc được dựng năm 1048 ở bên ngoài cửa Trường Quảng (cửa phía nam thành Đại La) [TT]. Đàn Viên Khâu được xây dựng năm 1154 ở cửa Nam thành Đại La [TT]. Cũng có ghi chép về Đạo giáo như “xây ba quán Khai Nguyên, Thái Dương, Bắc Đẩu” [SL-1102]. Tín ngưỡng dân gian cũng đóng vai trò quan trọng để biểu xuất tính thần thánh của vua, cho nên Thái Tông xây miếu thần núi Đồng Cổ ở phía sau chùa Thánh Thọ ở Hữu bần thành Đại La [TT-1028] như là nơi quần thần làm lễ. Cũng vì tín ngưỡng dân gian mà rồng vàng “phải” xuất hiện nhiều lần trên các cung điện lầu các, và vua cần ngự xem đua thuyền (“cạnh đô” hoặc “cạnh châu”) về mùa thu²¹. Việc Anh Tông ngự xem bắt voi ở Long Trì chắc cũng mang ý nghĩa tương tự.

3.4. Các trung tâm kinh tế

Tất nhiên kinh đô phải có các trung tâm kinh tế. Ngay bên trong “thành” (tức thành Thăng Long) kho Trấn Phúc được xây dựng vào năm 1011 [SL và TT]. Năm 1038, Ngự kho được xây dựng [TT]. TT-tháng 11/1044 chép về ty Quyển kho tức cơ quan quản lý kho chứa lúa. Trong khu dân cư của Kinh đô cần có chợ. Chợ Đông (Đông thị) [TT-1015], chợ Tây (Tây thị) [SL và TT-1035, SL-1148] hoặc chợ Tây Nhai [TT-1035] và chợ Tây Giai [TT-

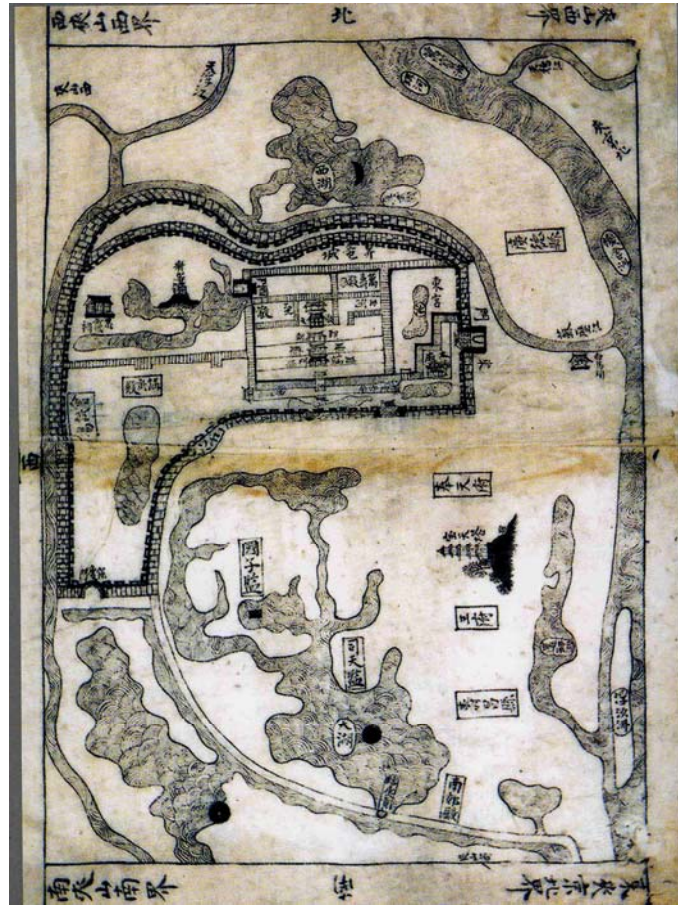
1150], chợ Nam (Nam thị) [SL-1072 (kỷ Nhân Tông)], chợ Dừa (Da thị) [SL-tháng Giêng năm 1214] và chợ Cái (Cái thị) [SL-tháng 7/1214] được ghi chép trong các bộ biên niên sử²². Trong Kinh đô còn có trung tâm thủ công nghiệp. Các khu vực trong Kinh đô (trừ khu vực cung cấm) được chia làm các phường và hạng (ngõ). SL chép tên hạng như hạng Giao Tác (ngõ làm gốm) [tháng 2/1212] và hạng Chỉ Tác (ngõ làm giấy). Làng xã xung quanh Kinh đô cũng đóng vai trò không thể thiếu để duy trì Kinh đô. Tác giả đặc biệt quan tâm đến hai làng là Cảo xã (Nhật Tảo ngày nay), nơi các tên có tội bị đồ làm Cảo điền hoành để cày ruộng công²³ [TT-1230] và thôn Bà Già, nơi các tù binh Chăm ở lại²⁴ [TT-1330]. Chắc các làng này có từ thời Lý và trực tiếp lệ thuộc vào vua. Các làng trực thuộc vua với dân làng không phải là nông dân tự do mà là dân lệ thuộc (lại không nhất thiết hoàn toàn đồng nhất với lớp nô tỳ) thường đóng vai trò kinh tế quan trọng đối với vua ở các nước Đông Nam Á (nhất là triều Pagan ở Miến Điện), Triều Tiên (triều Cao Ly) và Nhật Bản (nửa sau thời Heian đến thời Kamakura) trong giai đoạn trung đại²⁵.

4. Vấn đề Long thành và Phượng thành

Về các vòng thành của Kinh đô Thăng Long thời Lý, tác giả đã viết trong bài trước²⁶ nhưng trong đó không trình bày một cách đầy đủ về Long thành (xây năm 1029) và Phượng thành (xuất hiện năm 1049), nay xin đề xuất vài nhận xét. Theo tác giả, vòng thành ngoài cùng (tức thành Đại La) được xây đắp vào năm 1014 chiếm vị trí gần giống thành Đại La thời Lê, phía tây kéo dài đến sông Tô Lịch ngày nay. Nhưng không gian cung cấm trong giai đoạn đầu thời Lý hẹp hơn thành Thăng Long năm 1010, mặc dù cả không gian cung cấm lẫn không gian “thành nội” (vốn chỉ không gian bên trong thành Thăng Long có hình tứ giác với trục chính tâm cửa Bắc - điện Kính Thiên - Đoan Môn - Cột Cờ ngày nay) đều có khả năng được mở rộng về phía tây sau năm 1029, nhất là sau năm 1203. Vậy thì Long thành và Phượng thành là một hay hai, và chiếm vị trí nào?

Khi cuộc nội chiến cuối đời Lý bùng nổ thì Trần Tự Khánh (nhân vật đứng đầu quân họ Trần) “giận dữ, phát binh đến Long thành sai Điện tiền chỉ huy sứ Nguyễn Ngạnh đem các quan chức vào trong Cấm trung” [SL-tháng 12/1212]. Nếu bên trong Long thành là Cấm trung, có thể cho rằng Long thành là vòng thành trong cùng đã bao bọc khu vực cung cấm cho nên phạm vi của nó hẹp hơn vòng thành giữa (thành Thăng Long năm 1010 hoặc thành đó được mở rộng về phía tây). Đoạn ghi chép năm 1029 về quy hoạch không gian cung cấm bên trong Long thành chép ít cung điện hơn ghi chép năm 1010. Điều đó cũng có thể là một bằng chứng cho phạm vi hẹp hơn thành Thăng Long của Long thành.

Nhưng tên gọi Long thành có khả năng là cách gọi tắt của Thăng Long thành²⁷. Trường hợp đó, chúng ta cần giải thích ghi chép SL-tháng 12/1212 như “vào trong Long thành, sau đó tiến quân tiếp để đi vào Cấm trung”. Thời Lê có cách ghi chép tương tự: “Bọn Lạng Sơn vương Nghi Dân đem bắc thang chia ba đường lên thành cửa Đông thành (“Thượng Đông Môn thành”), vào trộm cung cấm. Vua (Nhân Tông) và Hoàng thái hậu Tuyên Từ đều bị giết” [TT-ngày 3/10/1459]. “Đông Môn thành” chắc có nghĩa là cửa Đông của thành Thăng Long được vẽ trong *Hồng Đức bản đồ*. Trong cả hai trường hợp, có thể nghĩ rằng, sau khi đi qua thành Thăng Long thì không có trở ngại lớn để đi vào cung cấm. Nói một cách khác, tường thành bao bọc không gian cung cấm không cao (không mạnh) bằng vòng thành giữa (thành Thăng Long²⁸).



“Trung đô đồ” trong *Hồng Đức bản đồ A.2499* [Viện Khoa học Xã hội Việt Nam - Viện Khảo cổ học, *Hoàng thành Thăng Long (Thăng Long Imperial Citadel)*, Hà Nội: NXB Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 2006, tr.197

Tháng 11/1490, vua Lê Thánh Tông “đắp rộng thêm Phượng thành, nhân theo quy chế thời Lý - Trần. Vua lấy làm răn về việc Nhân Tông bị giết, nên sai quân đắp thành. Bên ngoài Cửu giáo giao trường kéo dài 8 dặm, thi công 8 tháng mới làm xong [TT]. Bản dịch TT dịch “Cửu giáo giao trường” là trường đấu võ²⁹ tức trường Giảng Võ. Và bộ phận Phượng thành được đắp thêm vào năm 1490 thường được coi là bộ phận tây nam của Hoàng thành (thành Thăng Long) có cửa Bảo Khánh vì tường thành đó nằm ở phía nam (bên ngoài) trường Giảng Võ. Song, chúng ta cần chú ý đến tường thành đi thẳng theo hướng đông - tây ở phía bắc trường Giảng Võ được vẽ trong *Hồng Đức bản đồ* (xem bản đồ trên). Cách vẽ của tường thành đó giống cung thành. Tác giả thấy là suy đoán coi “Cửu giáo giao trường” là trường Giảng Võ không có cơ sở vững chắc. Nếu vậy thì có thể cho rằng, chính tường thành đi thẳng này là Phượng thành được đắp thêm vào năm 1490³⁰ và bộ phận tây nam của Hoàng thành (thành Thăng Long) có từ trước. Việc đắp thành đi thẳng về phía tây có thể có ý nghĩa tạo đường trốn thoát từ cung cấm³¹ (Lê Nhân Tông bị tiến công từ phía đông). Nếu cách dùng thời Lê sơ của Long thành và Phượng thành vẫn nhất trí với cách dùng thời Lý và Lê Thánh Tông xây thêm tường thành mang tính chất giống Cung thành thì chúng ta phải lý giải là Phượng thành (tính chất Cung thành) và Long thành (vòng thành giữa trong cấu trúc tam trùng thành quách, là tường thành cao

nhất của Kinh đô) là hai tường thành khác nhau³². Tác giả chưa dám hoàn toàn khẳng định nhưng giả thuyết này cần xem xét một cách kỹ lưỡng.

5. Kết luận

Kinh đô Thăng Long thời Lý đã có nhiều chức năng chính trị - hành chính, chức năng quân sự, chức năng tôn giáo, chức năng kinh tế... Các chức năng đó được phân bố một cách có hệ thống, bao trùm cả khu vực bên ngoài thành Đại La. Song, tác giả phải thừa nhận là việc xác định vị trí và quy mô của các cung điện, cơ quan hành chính, trung tâm tôn giáo... thật khó. Ngay vị trí của các vòng thành như Phụng thành, Long thành, thành Thăng Long (sau năm 1029) cũng có cách giải thích khác nhau. Hơn nữa, nhiều cung điện và các nền kiến trúc khác không được sử dụng lâu. Có lẽ vì khí hậu nhiệt đới và tính chất quyền lực kiểu Đông Nam Á khiến cho triều đình bỏ nhiều công trình kiến trúc xuống cấp tương đối nhanh để xây cái mới hoặc tu sửa lại cái cũ để đổi tên. Ngay trục chính tâm của không gian cung cấm có khả năng chuyển về phía tây khi làm “Tân cung” ở phía tây tâm điện. Đến thời Trần thì không gian cung cấm được chia đôi: Trong thành (thành nội) dựng cung điện lầu các, Đông Tây lang vũ, bên tả là cung Thánh Thọ (của thượng hoàng), bên hữu là cung Quan Triều (của hoàng đế) [TT-1230]. Nhưng quy hoạch cụ thể là chưa rõ³³. Vì vậy, chúng ta cần tiếp tục nghiên cứu bằng phương pháp sử học, khảo cổ học và các phương pháp khoa học khác để có thể bàn bạc thật cụ thể và sâu sắc về tính liên tục và tính riêng biệt của Kinh đô Thăng Long trong các giai đoạn Lý, Trần, Lê. Trong đó, không những quan điểm kiến trúc và quy hoạch đô thị, mà còn các quan điểm khác như quyền lực chính trị, tôn giáo - tư tưởng, kinh tế - xã hội... được áp dụng một cách tổng hợp. Đây là công việc không phải dễ dàng, nhưng hết sức hấp dẫn.

CHÚ THÍCH

- ¹ Tác giả đã phân tích các không gian “cung cấm”, “thành nội” (bên trong thành) và “thành ngoại” (bên ngoài thành) trong cấu trúc kinh đô Thăng Long thời Lý - Trần. Xem Momoki Shiro, *Một số câu hỏi mới về Kinh đô Thăng Long thời Lý - Trần: Khai thác lại thư tịch cổ*, Hội thảo Quốc tế Việt Nam học lần thứ ba, Việt Nam: Hội nhập và Phát triển, Hà Nội, ngày 4 – 7/12/2008.
- ² Xem các chuyên khảo và tập luận văn như Trần Huy Liệu (chủ biên) *Lịch sử Thủ đô Hà Nội*, NXB Sử học, Hà Nội, 1960; Trần Quốc Vượng - Vũ Tuấn Sán, *Hà Nội nghìn xưa*, Sở Văn hoá Thông tin Hà Nội, Hà Nội, 1975; Viện Khảo cổ học, *Hoàng thành Thăng Long (Thăng Long Imperial Citadel)*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2006; Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội, *Kỷ yếu hội thảo khoa học 1000 năm Vương triều Lý và Kinh đô Thăng Long*, NXB Thế giới, Hà Nội, 2009; Papin, Philippe, *Histoire du Hanoi*, Paris: Fayard, 2001; Yao Takao, *Vetonamu Reicho Zenki Shoryu-jo kenkyu shotan* (Tìm hiểu sơ lược về thành Thăng Long trong giai đoạn Lê Sơ), *Hiroshima Toyoshi Gakuho* (Thông báo Khoa học lịch sử phương Đông của ĐHQG Hiroshima), số 12, 2000, tr.54-75. Ngoài ra, tạp chí *Khảo cổ học* đã tập trung đăng bài trên các số 2000 (3); 2004 (4); 2006 (1); 2007 (1), trong đó đăng nhiều bài quan trọng như của các giáo sư Hà Văn Tấn, Tống Trung Tín, Bùi Minh Trí, Trần Quốc Vượng, Đỗ Văn Ninh, Lê Văn Lan; Phan Huy Lê; Nguyễn Quang Ngọc... Trong các hội thảo tại Viện Khảo cổ học tháng 11/2008 (gồm báo cáo của Inoue Kazuto và Ueno Kunikazu) và Hội thảo quốc tế Việt Nam lần thứ ba tháng 12/2008 cũng có những bài mang tính chất tổng quát. Hy vọng rằng kỷ yếu của các cuộc hội thảo đó sớm được xuất bản.
- ³ Khi dẫn *Đại Việt sử lược* (viết tắt là SL) và *Đại Việt sử ký toàn thư* (viết tắt là TT) thì tác giả chỉ ghi niên đại (và ngày tháng khi cần thiết) và không ghi số trang của các bản dịch vì hai bộ biên niên sử là tài liệu rất quen thuộc, một khi biết được niên đại thì kiểm tra bản dịch cũng như nguyên văn không khó. Khi bài này cần dịch nội dung các tài liệu đó thì tác giả sẽ phiên dịch riêng nhằm tiện cho công việc phân tích.

- ⁴ Xem sơ đồ trong Lê Văn Lan, "Vị trí, quy mô và vấn đề "trục chính tâm" của các công trình kiến trúc cung đình trong Hoàng thành Thăng Long thời Lý qua tài liệu văn bản", *Khảo cổ học* số 4, 2004, tr.45, 47.
- ⁵ Phan Huy Lê, "Vị trí khu dich tích khảo cổ học 18 Hoàng Diệu trong cấu trúc thành Thăng Long-Hà Nội qua các thời kỳ lịch sử", *Khảo cổ học* số 1, 2006, tr.5-9 có sự chỉnh lý và bình luận về các ý kiến chủ yếu.
- ⁶ Trước năm 1029 đã có những ghi chép như "Điện Càn Nguyên bị động đất" [SL-1017], cho nên "coi triều ở Đông điện, nay Đông điện lại bị động đất, vua phải coi triều ở Tây điện" [SL-1020], "Dựng ba điện (ở Tây điện), điện đằng trước để coi triều, hai điện đằng sau để nghe chính sự" [TT-1020]. Lê Văn Lan, *Vị trí, quy mô và vấn đề "trục chính tâm" của các công trình kiến trúc cung đình trong Hoàng thành Thăng Long thời Lý qua tài liệu văn bản*, bài đã dẫn, tr.44 cho rằng: ngoài những năm 1010-1011 và năm 1029-1030, còn 4 đợt xây dựng lớn vào các năm 1020, 1058, 1098 và 1203.
- ⁷ Xung quanh cung cấm cần có vườn ao, nơi ăn chơi ngắm cảnh dành cho vua và hoàng tộc. Thành Thăng Long năm 1010 chắc có khu vực vườn ao ở phía sau (phía bắc) thành. Sau đó, có nhiều khả năng rằng thành Thăng Long năm 1010 được mở rộng (sau năm 1029) về phía tây đến sông Tô Lịch ngày nay, và khu vực phía tây này chủ yếu được sử dụng như không gian vui chơi và tôn giáo [Phan Huy Lê 2006: 12-14].
- ⁸ TT viết là "sửa sang các điện vũ ở Đại nội".
- ⁹ Ở di tích 18 Hoàng Diệu có vết tích hàng kiến trúc lục giác thuộc giai đoạn giữa thời Lý được phát hiện tại khu A (phía trước mặt bằng kiến trúc của cung điện lớn ở phía bắc khu A) và khu D (phía tây mặt bằng kiến trúc cung điện nằm ngang theo chiều đông-tây). Xem Tổng Trung Tín, Bùi Minh Trí, *Về một số dấu tích kiến trúc trong Cẩm thành Thăng Long thời Lý - Trần qua kết quả nghiên cứu khảo cổ học năm 2005-2006*, *Khảo cổ học* số 1, 2007, tr.61-62, 64, 66. Nhưng điện Linh Quang có thể nằm ở trên bờ sông Hồng (xem ghi chú 20). Kiến trúc hình lục giác có khả năng được xây dựng ở nhiều nơi.
- ¹⁰ Theo SL-1148 (và TT-1150), bọn Dương Tự Minh đem quân sỹ tới ngoài cửa Việt Thành hô to lên về tội ác của Đỗ Anh Vũ. Vì thế chúng ta không chắc cửa Việt Thành mới được xây dựng vào năm 1203.
- ¹¹ SL chép rằng tháng 9/1203, "Người Đại Hoàng là Phí Lang làm phản. Vốn trước người Đại Hoàng xây cửa Đại Thành, nghe thấy ấp Lâm, ấp Đà Mỗ đã làm phản bèn đem nhau trốn về mà làm phản". Có lẽ cửa Đại Thành (寯靖騰) này nhất trí với cửa Đại Thành (寯擦騰) mà Quách Bốc đã đột nhập vào năm 1209.
- ¹² TT - ngày Nhâm Ngọ tháng 10/1210 viết là vua mất ở cung Thánh Thọ.
- ¹³ Theo SL, vì không thể không chế được vua Huệ Tông và Đàm Thái hậu, nên Trần Tự Khánh cho Huệ Văn vương lên ngôi vào tháng 3/1214 ở điện Thiên An. Đến năm 1222, vua Huệ Tông và Thái hậu lại ngự điện Thiên An xem lễ nạp hôn của con trai Tự Khánh là Hiển Đạo Vương Hải. Có lẽ cung cấm cũ vẫn còn tồn tại và đóng vai trò nhất định. Trong khi đó, Tự Khánh đã "dựng thảo điện ở Tây Phù Liệt, quy mô phỏng theo Đại nội" vào ngày Canh Tuất (của tháng 3?) khi Huệ Tông và Thái hậu đầu hàng với họ Trần. Vì vua "ngự ra Cự kinh" vào năm 1218 và 1219, Tây Phù Liệt có khả năng được coi là "Tân kinh". Trần Tự Khánh, nhân vật đã lãnh đạo thế lực họ Trần để không chế triều đình, mất ở phủ đệ tại Tây Phù Liệt vào năm 1223.
- ¹⁴ Xem Momoki Shiro, *Mấy luận điểm mới về lịch sử khai phá vùng hạ lưu châu thổ sông Hồng trong giai đoạn Lý - Trần (I) Hệ thống hành cung thời Lý*, Viện Việt Nam học và Khoa học Phát triển, 20 năm Việt Nam học theo định hướng liên ngành, NXB Thế giới, Hà Nội, 2008, tr.330-341.
- ¹⁵ SL và TT (phần mở đầu của kỷ Thánh Tông) nhất trí viết rằng Thánh Tông (Nhật Tôn) sinh ra ở cung Long Đức. TT-1033 viết rằng "sách phong Đông cung thái tử (Nhật Tôn) làm Khai Hoàng vương, ở cung Long Đức". Có một vấn đề là cung Long Đức nằm bên ngoài thành Thăng Long trong khi đó Đông cung vào thời Lê Sơ được vẽ trong *Hồng Đức bản đồ* nằm bên trong Đông Môn của Hoàng thành (tường thành phía đông của Hoàng thành thời Lê sơ đại khái nhất trí với thành Thăng Long thời Lý). Vì vậy, cung Long Đức thời Lý và Đông cung thời Lê sơ có nhiều khả năng ở hai vị trí khác nhau.
- ¹⁶ Trước khi hoàng tử Càn Đức (Nhân Tông) sinh ra vào năm 1066, theo SL-tháng 6/1065, Thánh Tông ngự điện Thiên Khánh (nơi nghe chính sự được xây dựng vào năm 1030) xét kiện. Lúc đó con gái vua là công chúa Động Tiên (TT viết là công chúa Động Thiên) đứng hầu ở cạnh. Vì chưa sinh được con trai, Thánh Tông có thể cho công chúa Động Tiên (chắc ở cung Động Tiên) thực tập chính trị như hoàng thái tử. Bản thân Thánh Tông đã xét kiện ở điện Quảng Vũ khi ông làm Hoàng thái tử TT-1040 ?
- ¹⁷ Theo TT-1044, Đan Xá Tắc được xây dựng ở ngoài cửa Trường Quang.
- ¹⁸ Xem Momoki Shiro, *Một số câu hỏi mới về Kinh đô Thăng Long thời Lý - Trần: Khai thác lại thư tịch cổ, bdd*.
- ¹⁹ TT-tháng 6/1128 chép rằng, "xuống chiếu cho quần thần (bầy tôi) và Quan chức đô thể ở ngoài cửa Đại Hưng, muốn làm lễ tống tang Nhân Tông". Theo TT-tháng 8 cùng năm, "xuống chiếu cho Lưu Khánh

- Đàm và Mâu Du Đô chọn Quan chức đô. Quan chức đô là một phạm trù được phân biệt với quần thần tức là lớp quan liêu có “quan”. Và những người thuộc Quan chức đô được xét tuyển có lẽ như những người sưu dịch khác. Theo TT-tháng 4/1131, “Xuống chiếu cấm gia nô của vương hầu, công chúa và các quan không được lấy con gái của Quan chức đô và của bách tính”. Quan chức đô được phân biệt với cả gia nô lẫn bách tính. TT-tháng 9/1137 thì “xét các Quan chức đô đang làm triều ban không được đem con mình cho người khác nuôi làm con để nhờ cậy quyền thế”. SL-1157 cũng nói rằng, “Các hoả đầu của Quan chức đô không được phục dịch cho các tư gia”. Có lẽ địa vị của Quan chức đô thấp hèn, nhưng vì ở gần vua, nên triều đình cần cảnh giác sự kết hợp giữa Quan chức đô và các nhà quyền thế. Quan chức đô không phải là cấm quan, nhưng có thể có vai trò “cảnh sát” hoàng cung vì: khi Bảo Quốc vương toan vào cung cấm để lên ngôi (theo ý muốn của Thái hậu không muốn cho Cao Tông lên ngôi) thì Quan chức đô đã ngăn lại ở cửa Ngân Hà [SL-1175]. Khi Long Ích vương Kiến Ninh đánh Sơn Lão ở Linh Sách thì Long Ích bắt thủ quân là Đinh Vũ, “sai quan chức đô làm con cá gỗ khóa miệng bọn Vũ lại, đánh chết bọn đó và đem phơi khô” [SL-1185].
- ²⁰ Theo SL-tháng 3/1104, một số đơn vị cấm quân mới được thiết lập như Ngọc giai đô và Hưng thánh Quảng vũ đô. Sư Đạo Hạnh cũng bị trói ở lang Hưng Thánh khi yểm Giác Hoàng là một nhân vật đã tự xưng là con vua [SL-tháng 2/1112].
- ²¹ Ban đầu các vua Lý xem đua thuyền ở điện Hàm Quang trên bờ sông Lô (tức sông Hồng) xây vào năm 1011 [TT-1012, SL và TT-1013, TT-1037, TT-1038], sau đó ở điện Thuỷ Tinh [SL-1055], ở điện Linh Quang được xây dựng vào năm 1058 [SL-1080, TT-1118, TT-1119, TT-1122, TT-1123, TT-1130] và ở cung Quảng Từ là cung thái hậu khánh thành vào năm 1148 [SL-1149 = TT-1151]. Các điện Thuỷ Tinh và Linh Quang được sử dụng nhằm mục đích khác. Ở điện Thuỷ Tinh vua đã “xem ban cho quần thần đội mũ phốc đi hía” [SL-1059]. Ở điện Linh Quang có nhiều toà nhà phụ thuộc như điện Kiến Lễ và điện Sùng Nghi. Và khi sứ giả Chân Lạp đến châu, “đặt lễ yến tiệc mùa xuân và mở hội khánh thành 7 bảo tháp. Xuống chiếu cho Hữu ty bày nghi trượng ở điện Linh Quang, dẫn sứ giả xem các lễ hội đó [TT-tháng 2 năm 1118]. Phải chăng các điện Thuỷ Tinh và Linh Quang (cũng như cung Quảng Từ là cung Thái hậu) không nằm trên bờ sông Hồng. Khi xuống địa phương, vua hay đi thuyền, nên có nhiều khả năng là ngay xung quanh cung cấm có kênh hoặc ao lớn có thể tổ chức đua thuyền. Chẳng hạn “đào kênh ngự ở bên ngoài Phụng Thành” [SL-1049]. Thế nhưng, trường hợp điện Linh Quang thì chúng ta cần chú ý đến bia *Đại Việt quốc Lý gia đệ tứ đế Sùng Thiện Diên Linh tháp bi* ở Đội Sơn, Hà Nam ngày nay (Phan Văn Các và Claudine Salmon (chủ biên), *Văn khắc Hán Nôm Việt Nam* tập 1, Viện Hán Nôm và Trường Viễn Đông Bác cổ Pháp xuất bản năm 1998, tr.134; Viện Văn học, *Thơ văn Lý - Trần*, T.I, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1977, tr.397, 404) có đoạn nói về vua Nhân Tông, “*Hướng Trường Lô chi bích xuyên, ngự Linh Quang chi bảo điện, thiên sư nhi trung lưu điện tốc, vạn cổ nhi đặt thủy lôi minh*” (Hướng sông Hồng sóng biếc, ngự điện báu Linh Quang, nghìn thuyền như chớp giạt giữa dòng sông, muôn trống như sấm vang dậy nước). Vì Trường Lô nghĩa là sông Hồng, nên điện Linh Quang chắc nằm trên bờ sông Hồng. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (chính biên, Q.4, Lý Nhân Tông năm Hội Tường Đại Khánh thứ 10 (1119), phần ghi chú) cũng viết là điện Linh Quang ở bên Phú Lương giang (Phú Lương giang = sông Hồng). Còn TT-1237 nói rằng “Dời dựng điện Linh Quang ở Đông bộ đầu”.
- ²² Có điều là, trừ ghi chép năm 1035 “Dựng chợ Tây và trường lang” [SL] hoặc “Sáng lập chợ Tây Nhai và trường lang của nó” [TT], các ghi chép khác đều nói về xử hình công khai chứ không nói về hoạt động buôn bán.
- ²³ Theo TT-1150, Thái uý Đỗ Anh Vũ cũng bị đồ làm Cảo điền nhi khi bị phe đối lập bắt.
- ²⁴ Theo ghi chú của TT-1330, thôn Bà Già là “khi Lý Thánh Tông đánh Chiêm Thành, bắt được người Chiêm cho ở đây, lấy tên Chiêm là Đa-da-li, sau gọi chệch là Bà Già”.
- ²⁵ Xem Momoki Shiro, *Chusei Daietsu kokka no keisei to henyō* (Sự hình thành và biến đổi của quốc gia Đại Việt trong giai đoạn Trung đại), Osaka: NXB Đại học Osaka, 2011 (đang in), chương 1.
- ²⁶ Momoki Shiro, *Một số câu hỏi mới về Kinh đô Thăng Long thời Lý - Trần*, bđd.
- ²⁷ *Thiên uyển tập anh* hay *dùng từ* (cuốn 1: 24a) viết chùa Vạn Tuế là Long kinh Vạn Tuế tự TT-tháng 10/1491 viết rằng “Vua sai thợ xây danh đình ở ngoài cửa Đại Hưng để làm nơi treo các pháp lệnh thống trị. Xây xong, ban tên là đình Quảng Văn. Đình này ở trong Long thành...”. Cửa Đại Hưng thời Lê vẫn là cửa Hoàng thành và Hàng thành thời Lê vẫn được gọi là thành Thăng Long.
- ²⁸ Không có tài liệu ghi rõ chiều cao và chiều rộng của các tường thành ở Kinh đô Thăng Long thời Lý, nhưng thành Đại La của Cao Biền xây vào năm 866 (tiền thân của thành Thăng Long) cao 2 trượng 6 thước (gần 8m), chân thành rộng 2 trượng 6 thước [SL]. Tường thành này mặc dù thấp hơn Cung thành và Hoàng thành của thành Đại Hưng thời Tuỳ (chiều cao trung bình 10,3m, chân thành rộng trung bình 18m),

nhưng cao hơn nhiều so với tường quách tức tường kinh thành (chỉ cao khoảng 3m, chân thành rộng 9 đến 12m). Xem Toyoda Hiroaki, *Chugoku ni okeru tojo moderu no hensen to kodai Nihon no tojo* (Sự biến thiên của mô hình đô thành ở Trung Quốc và các đô thành cổ đại ở Nhật Bản), bài tham luận cho toạ đàm “Những kết quả nghiên cứu mới về Hoàng thành Thăng Long”, Hà Nội: Trung tâm Bảo tồn khu di tích Cổ Loa - thành cổ Hà Nội, ngày 18/8/2010.

- ²⁹ Cao Huy Du dịch, *Đại Việt sử ký toàn thư*, T.III, tr.362, ghi chú 79 giải thích rằng “nhi Cửu giáo giao trường (菴倭鋼傘矯) là chép nhầm của “ư giáo giao trường (柎鋼傘矯) và giáo (giác) giao trường là trường đấu võ.
- ³⁰ Có ý kiến cho rằng đây là Hoàng thành (vòng thành giữa) thời Lý - Trần. Xem Phan Huy Lê, *Vị trí khu di tích khảo cổ học 18 Hoàng Diệu*, bđd, tr.18.
- ³¹ Như đã giới thiệu trong chú thích sự kiện thành Thăng Long năm 1010, khu vực phía tây Hoàng thành (thành Thăng Long) chủ yếu được sử dụng mục đích vui chơi ngắm cảnh và mục đích tôn giáo. Trường hợp kinh đô Trường An của nhà Đường, Cẩm uyển nằm ở phía bắc Kinh thành cũng có ý nghĩa quân sự và khi Cung thành bị giặc tiến công thì vua có thể trốn thoát vào Cẩm uyển. Xem Seo Tatsuhiko, *Choan no Toshi Keikaku* (Quy hoạch đô thị của Trường An), Tokyo: Kodansha, 2001, tr.113; Toyoda Hiroaki, *Chugoku ni okeru tojo no gainen no henka to Nihon no kyuto* (Sự biến đổi của khái niệm đô thành ở Trung Quốc và các cung đô Nhật Bản), trong Vương Duy Côn-Uno Takao (chủ biên), *Kodai Higashi Ajia koryu no kenkyu* (Nghiên cứu tổng hợp về giao lưu quốc tế ở khu vực Đông Á trong giai đoạn cổ đại), *Kyoto: International Center for the Research of Japanese Culture*, 2008, tr.62-63 (ghi chú 55).
- ³² TT-1243 có đoạn viết là “Xây dựng “thành nội” hiệu là thành Long Phượng”. Nhưng câu này không nhất thiết có nghĩa là Long thành và Phượng thành vốn là một (trong thời Lý).
- ³³ Ở đây có ít nhất hai vấn đề cần được giải quyết: (a) “thành nội” (thành bên trong hay là bên trong thành?) thời Trần, tức thành Long Phượng, vốn là không gian bên trong vòng thành giữa hoặc chỉ không gian cung cấm. (b) “Bên tả là cung Thánh Thọ” có ý nghĩa bình thường (tức là phía đông) hay không? *Nam ông mộng lục* của Hồ Nguyên Trừng (truyện *Nghệ vương thuý mật*) nói rằng khi cha cho con kế vị, cha lùi về ở Bắc cung. Và TT-tháng 12/1284 cũng viết là “sai Đinh Cung Viên coi việc Bắc cung nội sát viện sự”. Vì vậy có khả năng cung Điện Thượng hoàng nằm ở phía sau (phía bắc) cung điện Hoàng đế. Nếu hai cung điện nằm ở phía đông và phía tây thì quy hoạch đó có thể giống Majapahit (chỉ có điều là Thăng Long vẫn có điện Thiên An, có lẽ nằm ở giữa cung điện Thượng hoàng và cung điện Hoàng đế), còn nếu cung điện Thượng hoàng (người có quyền lực lớn nhất) nằm ở phía sau cung điện Hoàng đế thì quan hệ đó có thể giống Ayuthaya, ở đó bên cạnh vua chính có vua thứ (second king) ở Tiền cung, xem Momoki Shiro, *Chusei Daiestu kokka no keisei to henyō*, sđd, tr.283-285.